

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K7, TẠI HUYỆN KRÔNG PẮC, KHÓA HỌC 2023-2025
NỘP BÀI THU HOẠCH THỰC TẾ

Ngày nộp: 30 tháng 6 năm 2024

Stt	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp	Điểm số	Điểm chữ
01	Đậu Thị Hoài Ân	01/6/1984	01	An	1,0	Một
02	Lê Thị Hoài Anh	20/5/1986	01	Banh	8,5	Tám, năm
03	Trần Thị Anh	08/8/1984	01	Trần	8,5	Tám, năm
04	Trịnh Ngọc Anh	23/6/1980	01	Anh	8,75	Tám, bảy năm
05	Võ Thị Bảy	15/9/1976	01	Ba	7,5	Bảy, năm
06	H' Sâm Buôn Knul	19/10/1988	01	(Nghỉ học theo QĐ số 554a/QĐ-TCT ngày 04/8/2023)		
07	Hồ Sỹ Chín	28/5/1979	01	Chín	8,25	Tám, hai năm
08	Khuong Thị Chung	02/01/1981	01	Chung	8,5	Tám, năm
09	Nguyễn Kiều Diễm	20/10/1988	01	Diễm	7,75	Bảy, bảy năm
10	Phan Thị Kiều Diễm	12/6/1980	01	Diễm	8,75	Tám, bảy năm
11	Nguyễn Thị Diệu	21/3/1987	01	Diệu	8,5	Tám, năm
12	Trần Minh Đức	04/6/1983	01	Đức	8,5	Tám, năm
13	Nguyễn Thị Thùy Dung	10/01/1990	01	Dung	8,75	Tám, bảy năm
14	Nguyễn Hữu Dũng	05/5/1987	01	Dũng	7,5	Bảy, năm
15	Trần Văn Dũng	11/4/1983	01	Dũng	8,25	Tám, hai năm
16	Châu Thị Mỹ Duyên	09/11/1986	01	Duyên	1,0	Một
17	Tường Thị Hà	04/11/1981	01	Hà	7,75	Bảy, bảy năm
18	Đinh Thị Hải	29/5/1981	01	Hải	8,25	Tám, hai năm
19	Phan Ngọc Hải	20/11/1981	01	Hải	8,5	Tám, năm

Stt	Họ Và Tên	Tên	Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp	Điểm số	Điểm chữ
20	Đinh Thị	Hằng	28/8/1989	01	Hằng	85	Tạm, năm
21	Đinh Thúy	Hằng	20/9/1984	01	Thúy	85	Tạm, năm
22	Hoàng Thị	Hạnh	10/9/1974	01	Hạnh	8,25	Tạm, hai năm
23	Nguyễn Thị	Hiền	23/8/1989	01	Hiền	7,75	Bảy, bảy năm
24	Nghiêm Thị	Hoa	30/11/1971	01	Hoa	8,0	Tạm
25	Phạm Thị	Hoa	09/12/1975	01	Hoa	8,5	Tạm, năm
26	Phan Thị Thanh	Hoa	03/8/1979	01	Hoa	8,5	Tạm, năm
27	Đinh Thị Phương	Hồng	18/11/1977	01	Phương	1,0	Một
28	Nguyễn Thị	Hồng	10/12/1981	01	Hồng	8,25	Tạm, hai năm
29	Nguyễn Cảnh	Hùng	08/10/1979	01	Hùng	8,5	Tạm, năm
30	Thái Văn	Hung	19/5/1977	01	Hung	8,5	Tạm, năm
31	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/10/1971	01	Thu	8,25	Tạm, hai năm
32	Trần Thị	Hương	20/4/1984	01	Hương	7,0	Bảy
33	Nguyễn Thành	Lập	16/3/1978	01	Lập	8,5	Tạm, năm
34	Bùi Thị Kim	Liên	20/01/1982	01	Liên	8,25	Tạm, hai năm
35	Trần Thị Châu	Loan	12/10/1985	01	Loan	7,75	Bảy, bảy năm
36	Võ Thị Cửu	Long	15/10/1987	01	Long	7,75	Bảy, bảy năm
37	Hồ Thị	Luyện	24/4/1987	01	Luyện	8,5	Tạm, năm
38	Nguyễn Thị	Lý	25/02/1972	01	Lý	8,75	Tạm, bảy năm
39	Trần Thị Thanh	Mai	05/9/1978	01	Mai	7,75	Bảy, bảy năm
40	Hồ Việt	Mạnh	22/7/1982	01	Mạnh	8,75	Tạm, bảy năm
41	Hồ Văn	Minh	14/01/1988	01	Minh	3,5	Ba, năm
42	Lại Thị	Mỹ	05/12/1984	01	Mỹ	8,0	Tạm
43	Mai Thị	Nga	07/3/1979	01	Nga	8,0	Tạm

Stt	Họ Và Tên	Tên	Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp	Điểm số	Điểm chữ
44	Võ Thị Thanh	Nga	27/12/1988	01	<i>Nga</i>	7.5	Bảy, năm
45	Hồ Văn	Ngọc	15/11/1988	01	<i>Ngọc</i>	3.5	Ba, năm
46	Nguyễn Thị	Nguyệt	08/01/1972	01	<i>Nguyệt</i>	8.25	Tám, hai năm
47	Nguyễn Thị	Nhật	08/10/1980	01	<i>Nhật</i>	8.25	Tám, hai năm
48	Lê Văn	Phúc	24/6/1966	01	<i>Phúc</i>	1.0	Một
49	Nguyễn Văn	Phương	06/6/1982	01	<i>Phương</i>	7.25	Bảy, hai năm
50	Phan Tiến	Quân	04/09/1977	01	<i>Quân</i>	7.25	Bảy, hai năm
51	Dương Văn	Quang	10/8/1982	01	<i>Quang</i>	8.75	Tám, bảy năm
52	Lương Anh	Quang	13/11/1985	01	<i>Quang</i>	8.5	Tám, năm
53	Trần Thọ	Quang	12/02/1982	01	<i>Thọ</i>	8.5	Tám, năm
54	Đoàn	Sang	12/3/1987	01	<i>Sang</i>	8.5	Tám, năm
55	Nguyễn Thị	Sen	18/3/1971	01	<i>Sen</i>	7.75	Bảy, bảy năm
56	Đặng Văn	Son	23/6/1986	01	<i>Son</i>	3.5	Ba, năm
57	Nguyễn	Son	12/7/1982	01	<i>Son</i>	7.5	Bảy, năm
58	Nguyễn Hữu	Sỹ	20/02/1981	01	<i>Sỹ</i>	8.0	Tám
59	Bùi Thị	Thắm	22/10/1973	01	(Nghỉ học theo QĐ số 762/QĐ-TCT ngày 14/11/2023)		
60	Hồ Thị Hoài	Thắng	03/11/1982	01	<i>Thắng</i>	8.5	Tám, năm
61	Nguyễn Thị Minh	Thanh	27/7/1981	01	<i>Thanh</i>	8.5	Tám, năm
62	Đoàn Thị	Thảo	23/6/1985	01	<i>Thảo</i>	8.25	Tám, hai năm
63	Huỳnh Thị Thu	Thảo	01/02/1979	01	<i>Thảo</i>	8.5	Tám, năm
64	Nguyễn Cao	Thế	18/10/1973	01	<i>Thế</i>	7.25	Bảy, hai năm
65	Nguyễn Thị	Thoa	16/3/1986	01	<i>Thoa</i>	7.75	Bảy, bảy năm
66	Luân Thị	Thời	17/6/1986	01	<i>Thời</i>	8.5	Tám, năm
67	Nguyễn Xuân	Thức	13/11/1981	01	<i>Thức</i>	8.25	Tám, hai năm

N VI
NG
I TR
ĐAK

Stt	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp	Điểm số	Điểm chữ
68	Nguyễn Khánh Minh	Thương	15/02/1982	01	<i>Nguyệt</i>	90	Chín
69	Phạm Thị	Thường	30/10/1985	01	<i>hết</i>	875	Tám, bảy năm
70	Võ Thị Thanh	Thúy	02/12/1988	01	<i>thưa</i>	85	Tám, năm
71	Phạm Thị Bích	Thủy	13/6/1987	01	<i>lk</i>	825	Tám, hai năm
72	Phan Thị Thu	Thủy	26/6/1977	01	<i>Thu</i>	85	Tám, năm
73	Nguyễn Đức	Trường	26/3/1981	01	<i>Đức</i>	875	Bảy, bảy năm
74	Đặng Minh	Tú	18/5/1987	01	<i>minh</i>	80	Tám
75	Lê Đức	Tư	13/10/1982	01	<i>Đức</i>	825	Tám, hai năm
76	Lê Thị	Tứ	20/6/1975	01	<i>Thị</i>	863	Tám, sáu ba
77	Phạm Anh	Tuấn	27/02/1981	01	<i>anh</i>	85	Tám, năm
78	Phan Khắc	Tùng	20/12/1987	01	<i>Phan</i>	85	Tám, năm
79	Nguyễn Thị	Tuyết	03/3/1978	01	<i>Thị</i>	825	Tám, hai năm
80	Nguyễn Thị Hải	Vân	08/7/1990	01	<i>Hải</i>	85	Tám, năm
81	Trần Công	Sang	05/10/1984	01	<i>Trần</i>	85	Tám, năm

Tổng số 79 cuốn/79 học viên;

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO ĐIỂM

Ngày...14...tháng...8.....năm 2024

Đương
Phạm Văn Đương



Nguyễn Thành Dũng

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày...14...tháng...8.....năm 2024

Mai
Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

om hiel

TS. Lê Duyên Hà